TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 7 năm 2022
"V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ÔngVũ Anh Ngọc
Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hưng - Bà Phan Thị Nga.
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Lại Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khaivụ án dân sự thụ lý số: 225/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:109/2022/QĐST- HNGĐ ngày 15/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòasố: 98/2022/QĐ-HPT ngày 27/6/2022giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/7/1962.

Trú tại: xóm 3, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An.(Vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/5/1964.

Trú tại: xóm 8, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày tại biên bản hòa giải của nguyên đơn, bị đơn thì vụ án có nội dung.

-Về quan hệ hôn nhân:Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết cưới nhau vào tháng 04/1994. Trước khi tiến tới hôn nhân ông bà có quá trình yêu đương, tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện đến với nhau, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được sự đồng ý của hai gia đình chứng kiến của xóm làng và bạn bè. Ông T, bà T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/11/1994. Sau khi cưới ông T, bà T sống hạnh phúc với nhau đến

cuối 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông T nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không phù hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, ông thấy cuộc sống nhân của ông với bà T không hạnh phúc, hôn nhân không đạt được như mong muốn, nên ông đã quyết định sống ly thân đối với bà T từ cuối năm 2004 đến nay. Theo bà T vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đầu năm 2004 thì ông T xin vợ đi chơi, kể từ đó ông T không về sống chung với bà nữa, thỉnh thoảng ông T về quê nhưng không đoái hoài, quan tâm gì đối với vợ con. Kể ngày ông T, bà T không sống chung với nhau thì ông T, bà T không liên lạc để níu kéo hôn nhân. Ông T bà T xác định hôn nhân giữa ông bà đã hoàn tòa đổ vỡ dù có hòa giải đến đâu thì họ cũng không đoàn tụ. Bà T đồng ý ly hôn ông T với điều kiện ông T phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nuôi con cho bà T với số tiền 220.000.000 đồng, vì từ năm 2004 đến lúc hai con chung trưởng thành bà T nuôi con một mình, ông T không có trách nhiệm nghĩa vụ gì đối với con chung.

- **Về quan hệ con chung:** Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T có con 02 con chung anh Nguyễn Văn T(Giới tính: Nam); Sinh ngày 28/8/1995 và anh Nguyễn Văn N(Giới tính Nam); Sinh ngày 13/3/1998. Con chung hiện nay đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, nên ông T, bà T không yêu cầu tòa giải quyết.

- **Về quan hệ tài sản:** Ông Nguyễn Văn T, bà T không yêu cầu tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau**:**

***Về tố tụng:**

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền đã thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147 khoản 2 Điều 203 BLTTDS năm 2015: Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án đúng theo quy đinh tại Điều 68 BLTTDS năm 2015. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Xác minh thu thập chứng cứ theo quy định tại chương VII BLTTDS; Toàn bộ chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp đều là bản chính hoặc bản có chứng thực, y sao của cơ quan có thẩm quyền theo Điều 95 BLTTDS. Thẩm phán đã tổ chức phiên họp kiểm tra tra việc giao nộp, công khai, tiếp cận chứng cư và hòa giải đúng quy định tại các Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS; Đã tống đạt các văn bản như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai giao nộp tài liệu chứng cứ và hòa giải, giấy báo tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại Điều 171 BLTTD; Đã giao thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và hồ sơ cho VKS theo đúng quy định tại Điều 196, 220 BLTTDS.Tòa án đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 227, 254,

258, 262 và Điều 264 BLTTDS năm 2015; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 BLTTDS năm 2015 về việc phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra, báo cáo với HĐXX danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa; ghi biên bản phiên tòa.Nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 và Điều 227 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định điều 70, 72 và Điều 227 BLTTDS

***Về nội dung:** Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình .

Đề nghị xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ con chung: Con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên miễn xét.

- Về quan hệ tài sản: Ông T, bà T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòaán nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để xét xử vụ án. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt có lý do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Để tiếp tục xét xử vụ án Tòa án tống đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo tham gia phiên tòa cho các đương. Tại phiên tòa lần thứ hai ông T vắng mặt có lý đề nghị xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn T vả bị đơn bà Nguyễn Thị T.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tđảm bảo đúng quy định của pháp luật, hôn nhân giữa ông T, bà Tlà tự nguyện tiến tới hôn nhân. Trước khi cưới hỏi ông T, bà T đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/2/1995, nên xác định hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tlà hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa ông T, bà T tan rã, đổ vỡ là quá trình

sống chung vợ chồng tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân. Do không có tình cảm, không muốn duy trì hôn nhân bền vững với bà T, ông T đã sống ly thân cắt đứt các mốiquan hệ đối với bà T kể từ cuối năm 2004 cho đến nay.Từ đó xác định hôn nhân của ông T, bà T tan rã đổ vỡ kể từ ngày vợ chồng sống ly thân. Thời gian sống ly thân bà T, ông T không có ý thức níu kéo hôn nhân để mặc hậu quả xẩy ra, điều này cho thấy hai người đã mất hết tình cảm. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Nguyễn Thị T.

Việc bà T có ý kiến yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ giao cho bà số tiền nuôi con 220.000.000 đồng từ năm 2004 đến nay thì bà mới chấp nhận ly hôn là không đúng qui định của pháp luật. Đây phải là điều kiện để tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Nguyễn Thị T. Quá trình mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ bà T cũng không có yêu cầu phản tố đối với khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này bà T có đơn yêu cầu giải quyết thì tòa án sẽ thụ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

- Về quan hệ con chung: Con chung của ông T, bà T đã trưởng thành khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, nên miễn xét.

- Về quan hệ tài sản: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Văn Tphải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai số:0011292 ngày 05/5/2022, ông T đã nộp đủ án phí.

3.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận đượcbản án do Tòa án tống đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã V(Nơi ĐKKH)